

THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
Số Tháng IV/2022

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2022	3
1.1. Vùng trung du và miền núi phía Bắc.....	3
1.2. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ.....	6
1.3. Vùng Bắc Trung Bộ.....	8
1.4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ	10
1.5. Vùng Tây Nguyên.....	11
1.6. Vùng Đông Nam Bộ.....	13
1.7. Vùng Tây Nam Bộ	14
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG VÀ THIÊN TAI ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2022.....	16
2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp	16
2.2. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng và thiên tai	17
2.3. Tình hình sâu bệnh	20
III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	21
3.1. TÓM TẮT NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2022.....	21
3.2. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP	21

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (0243) 7733090-407

Fax: (0243) 8358626

Email: ktnn407@gmail.com nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://imh.ac.vn/nghiepvu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep>

I. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG THÁNG III/2022

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong Tháng III/2022 tại các địa phương trong cả nước đều phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0°C đến 3,5°C (hình 8).

Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là 38,3°C xảy ra vào ngày 28/III/2022 tại Quy Châu; thấp nhất tuyệt đối là 7,4°C xảy ra ngày 8/III/2022 tại Sìn Hồ.

Lượng mưa trong tháng tại hầu hết các khu vực đều xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ (từ 0 đến 216,7mm) (hình 9).

Lượng mưa ngày cao nhất đạt 256mm xảy ra vào ngày 31/III/2022 tại A Lưới.

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các khu vực phổ thấp hơn TBNN từ 0 – 213 giờ, ngoại trừ một số khu vực thuộc ĐBBB, ven biển BTB cao hơn TBNN từ 0-96 giờ; Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0% đến 13%, ngoại trừ một số khu vực ĐBBB, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Cà Mau thấp hơn TBNN từ 0-8%.

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng Tháng III/2022 ở từng vùng của nước ta như sau:

1.1. Vùng trung du và miền núi phía Bắc

1.1.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình Tháng III/2022 dao động từ 15,9 đến 24,2°C, (Hình 1) và phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 0,9 đến 3,4°C và phổ biến cao hơn Tháng III/2021 từ 1-4,5°C. (Hình 8, bảng 1).

Nhiệt độ thấp nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 13,3 đến 20,8°C, giá trị thấp nhất tuyệt đối trong tháng là 7,4°C xảy ra vào ngày 8/III/2022 tại Sìn hồ.

Nhiệt độ cao nhất trung bình Tháng III/2022 phổ biến dao động từ 19,6 đến 31,7°C, giá trị cao nhất tuyệt đối trong tháng là 37,5°C xảy ra vào ngày 26/III/2022 tại Mai Châu và Yên Châu.

1.1.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 khá thấp dao động từ 29 đến 218mm; phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 0mm đến 146,8mm và cao hơn cùng thời kỳ năm 2021 từ 0mm đến 168mm, ngoại trừ khu vực thuộc Tây Bắc thấp hơn từ 0-31mm (Hình 9, Bảng 1).

Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 14mm đến 174mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 6 đến 25 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 14 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 2 đến 12 ngày.

1.1.3. Diễn biến về số giờ nắng và độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng Tháng III/2022 dao động từ 23 giờ đến 194 giờ, phổ biến ở mức thấp hơn TBNN từ 0 giờ đến 42 giờ, ngoại trừ một số khu vực thuộc Việt Bắc cao hơn từ 0-18 giờ;

và phổ biến cao hơn tháng III/2021 từ 0 giờ đến 35 giờ, ngoài trừ một số khu vực thuộc Tây Bắc thấp hơn từ 0-34 giờ. (Hình 10, bảng 1).

Độ ẩm không khí trung bình Tháng III/2022 dao động từ 76% đến 91%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0% đến 13%; và cao hơn so với năm 2021 từ 0-12% (Hình 11, bảng 1). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 25% xảy ra vào ngày 5/III/2022 tại Sin Hồ.

1.1.4. Diễn biến về tổng lượng bốc hơi tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi Tháng III/2022 dao động từ 29 đến 108mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được từ 2 đến 6 mm

Trong Tháng III/2022 hầu hết khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đều đủ ẩm cho tới thừa ẩm cho sản xuất nông nghiệp. Ngoại trừ một số khu vực thuộc tỉnh Sơn La, Mai Châu (Hòa Bình) thiếu ẩm để sản xuất nông nghiệp. Chỉ số K dao động từ 0,49- 2,62. (Hình 13).

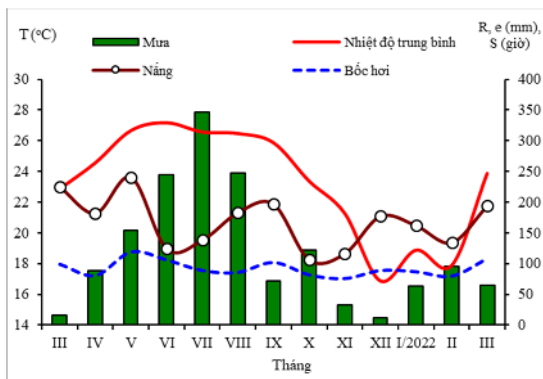
1.1.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện tại một số khu vực từ 1-10 ngày.
- Đông xuất hiện tại một số khu vực từ 1-11 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện tại một số khu vực từ 1-4 ngày, trong đó có 1 ngày xảy ra với cường độ mạnh.

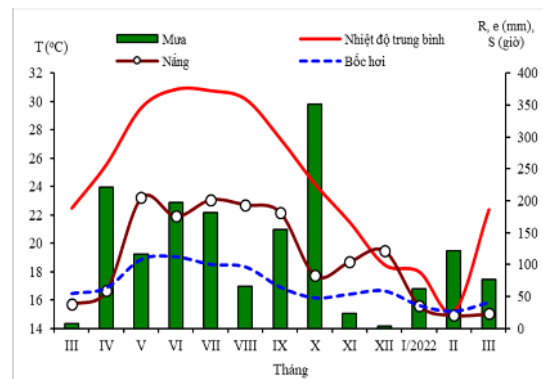
Bảng 1. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Mường Tè	23.8	3.9	2.6	123	115	78.8	177	-23	-17	82	-1	5
Sin Hồ	17.5	3.8	2.1	140	62	73.6	190	2	-21	78	4	3
Tam Đường	20.4	3.4	1.5	130	66	61.1	168	-24	-35	83	9	11
Than Uyên	22.9	3.9	2.5	85	125	74.5	178	3	-19	81	2	5
Lai Châu	24.2	3.8	2.4	179	152	123.5	187	-24	4	82	5	7
Tuần Giáo	22.9	4.5	3.4	85	71	31.1	178	-34	1	81	2	2
Điện Biên	23.9	3.9	3.2	65	49	12.6	194	-31	-5	80	1	2
Quỳnh nhai	23.2	3.6	1.8	109	96	58	147	-32	-4	82	12	2
Sơn La	21.6	2.9	1.6	99	89	59.2	160	-29	-10	81	7	8
Sông Mã	22.1	1	0.9	73	59	39.5	147	-30	-28	77	5	2
Cò Nòi	20.9	2.4	1.1	58	5	26.7	144	-28	-32	76	0	3
Yên Châu	24.2	3.3	2.5	90	76	57.9	142	-5	-22	82	6	11
Bắc Yên	20.6	2.8	1.9	71	55	29	128	-18	-34	85	3	5
Phù Yên	22.7	2.2	2	73	60	40.4	99	0	-22	83	2	4
Mộc Châu	18.8	3.1	2	147	95	113	135	0	-20	88	2	4
Mai Châu	23.1	2.6	1.9	60	59	38.7	71	18	-31	84	2	5
Kim Bôi	22.3	2.2	2.3	88	44	42	56	22	4	86	-3	0

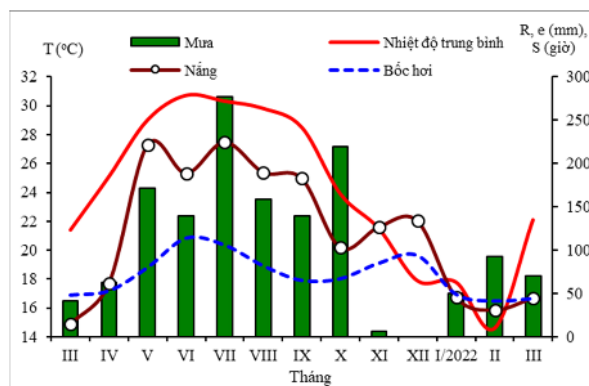
Chi Nê	22.5	2.3	2.4	43	2	8.3	56	30	8	84	-3	-3
Hoà Bình	23	2.5	2.3	90	82	62.7	59	12	-16	84	1	-1
Lào Cai	22.9	2.8	2.3	117	57	57.1	102	-12	-3	83	0	-1
Bắc Hà	18.4	3.4	2.4	76	39	33.3	105	-12	-18	88	1	1
Sa Pa	15.9	4	2	161	64	55.5	135	7	-21	87	3	5
Mù Căng Chải	20.8	3.7	2.9	137	134	87.1	167	-19	-42	84	3	13
Yên Bái	21.6	1.9	1.9	142	97	68.3	23	2	-22	91	-1	1
Lục Yên	21.6	2.4	1.8	129	47	67.3	60	35	-11	88	-1	1
Hà Giang	22	2.8	1.7	91	40	41.3	52	2	-22	87	6	4
Bắc Quang	22.1	2.5	2	158	-55	71.5	34	1	-28	87	2	1
Tuyên Quang	22.1	2.2	2.2	191	168	146.8	28	0	-27	84	0	-1
Bắc Cạn	21.2	2.3	2	164	113	121.9	45	8	-17	89	3	6
Thái Nguyên	22.1	2.1	2.3	59	18	3.7	34	14	-15	86	0	1
Định Hoá	21.8	2.8	2.2	120	77	71.7	23	0	-13	88	1	4
Phú Hộ	22.2	2.3	2.4	117	88	66.7	24	-3	-26	89	1	2
Việt Trì	22.4	2	2.4	77	69	38.1	23	-15	-30	84	-3	-2
Cao Bằng	21.4	2.9	2.4	100	35	60.7	66	3	-13	85	2	5
Bảo Lạc	22.2	3.1	1.9	104	96	62.7	85	-13	-1	81	4	6
Trùng Khánh	19.3	2.7	2.4	105	54	58.4	48	-3	-36	89	4	8
Thất Khê	21.3	3.4	2.7	108	60	59	60	17	3	87	3	2
Lạng Sơn	21	3	2.8	53	37	0	67	22	6	85	1	1
Hữu Lũng	22.2	2.2	2.7	71	43	34.1	45	13	6	85	0	1
Tiên Yên	21.2	2.6	2.3	116	79	64.1	55	25	16	89	0	-1
336Uông Bí	22.4	2.4	2.4	56	20	14.9	56	20	18	85	-3	-2
Lục Ngạn	22.2	2.6	2.1	105	90	74	55	6	-5	85	2	3
Sơn Động	22.1	2.7	2.3	80	59	44.5	57	22	-1	84	1	2
Bắc Giang	22.1	1.7	2.2	70	29	52.5	45	30	-5	82	-5	-3
Phủ Liễn	21.7	2	2.6	42	-28	-6.2	44	13	4	91	-3	0



a) Tại trạm Điện Biên



b) Tại trạm Việt Trì



c) Tại trạm Bắc Giang

Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 ở một số khu vực vùng trung du và miền núi phía Bắc

1.2. Vùng Đồng Bằng Bắc Bộ

1.2.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình Tháng III/2022 dao động từ 21,3°C đến 23,1°C, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 2 đến 2,9°C (Hình 8, bảng 2) và phổ biến cao hơn năm 2021 từ 0,9 đến 2,5°C.

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng dao động từ 23,2 đến 26,7°C, giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là 35,2°C xảy ra vào ngày 26/III/2022 tại Nho Quan.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng dao động từ 19,9 đến 21°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 15,1°C xảy ra vào ngày 9/III/2022 tại Bắc Ninh.

1.2.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ dao động từ 29mm – 106mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0mm đến 68mm; So với năm 2021 thì tổng lượng mưa tháng ở hầu hết các khu vực đều cao hơn từ 0mm đến 43mm, ngoại trừ khu vực Hưng Yên, Ninh Bình thấp hơn từ 4-74mm (Hình 2, bảng 2) và (Hình 9).

Lượng mưa ngày lớn nhất từ 12mm đến 42mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 8 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 4 đến 8 ngày.

1.2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng Tháng III/2022 ở các nơi trong vùng dao động từ 25 giờ đến 66 giờ; ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 0 giờ đến 33 giờ, ngoại trừ khu vực Nam Định, Thái Bình cao hơn từ 0-21 giờ; và phổ biến xấp xỉ hoặc cao hơn năm 2021 từ 0 đến 39 giờ. (Hình 10, bảng 3).

Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 82% đến 93%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ 0 đến 5% và xấp xỉ hoặc thấp hơn năm 2021 từ 0 đến 3% (Hình 11, bảng 2). Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 36% xảy ra vào ngày 8/III/2022 tại Sơn Tây.

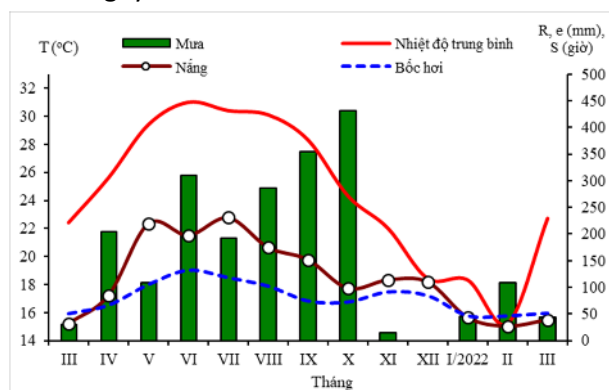
1.2.4. Tổng lượng bốc hơi tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 22mm đến 59mm, tổng lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 đến 4mm.

Trong Tháng III/2022 hầu hết khu vực Đồng bằng Bắc Bộ đều thiếu ẩm cho sản xuất nông nghiệp, khu vực trạm Sơn Tây, Nam Định, Phủ Lý đủ ẩm, Hải Dương thừa ẩm cho sản xuất nông nghiệp, chỉ số K từ 0,5 – 1,6. (Hình 13).

1.2.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện tại một số khu vực từ 1-17ngày
- Đông xuất hiện từ 1-3 ngày.



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại trạm Hà Đông

Bảng 2. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Vĩnh Yên	22.6	1.9	2	56	27	25.6	25	-9	-33	86	0	2
Láng	23.1	2.2	2.9	47	8	3.2	41	19	-5	82	-1	-5
Sơn Tây	23.1	2.5	2.5	75	40	40.5	27	-6	-28	86	2	-1
Hà Đông	22.7	2.2	2.9	43	13	11	39	7	-11	83	-3	-5
Hải Dương	22.4	1.8	2.5	106	43	68.3	37	21	-5	89	4	1
Hưng Yên	21.8	0.9	2.1	44	-74	1.7	44	29	-4	86	-1	-4
Nam Định	22.4	2.1	2.6	64	37	13.2	49	21	5	87	-1	-4
Văn Lý	21.3	1.3	2.3	29	10	-8.6	51	11	7	93	1	1
Phủ Lý	22.5	2	2.6	60	19	9.8	43	28	0	88	-2	-1
Nho Quan	22.7	2.5	2.7	44	-4	1.2	57	29	7	87	-2	-2
Ninh Bình	22.3	1.8	2.6	36	-12	-10	66	39	21	88	-1	-3
Thái Bình	21.9	1.8	2.4	29	-23	-16.8	57	27	16	91	1	0

1.3. Vùng Bắc Trung Bộ

1.3.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình Tháng III/2022 dao động từ 21,5 đến 24,4°C, phổ biến ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 2,3 – 4,6°C và cao hơn TBNN từ 0,6 đến 3,5°C (Hình 8, bảng 3).

Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng dao động từ 25,8 đến 29,8°C, giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là 38,3°C xảy ra vào ngày 26/III/2022 tại Quỳnh Châu.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng Tháng III/2022 dao động từ 19 đến 22°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 14,2°C xảy ra vào ngày 9/III/2022 tại Hồi Xuân.

1.3.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 dao động từ 21mm đến 392mm; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0mm đến 216,7mm; so với Tháng III/2021 thì tổng lượng mưa ở hầu hết các khu vực đều xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0mm đến 164mm. (bảng 3), (Hình 9).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất từ 9 đến 256mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 8 - 25 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 2 đến 14 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 2 đến 8 ngày.

1.3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng trong Tháng III/2022 dao động từ 52 đến 184 giờ, ở mức thấp hơn TBNN từ 0 giờ đến 96 giờ ngoại trừ khu vực Nghệ AN thấp hơn TBNN từ 0 - 29 giờ; so với tháng III/2021 thì tổng số giờ nắng ở hầu hết các khu vực đều cao hơn từ 0 đến 115 giờ ngoại trừ khu vực Huế thấp hơn 0-38 giờ. (Hình 10, bảng 3).

Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 85% đến 91%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ 0% đến 4% ngoại trừ khu vực Huế cao hơn từ 1-4% và xấp xỉ hoặc cao hơn Tháng III/2021 từ 0% đến 2%, ngoại trừ khu vực Nghệ An, Huế thấp hơn từ 0-2%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 26/III/2022 tại Hồi Xuân.

1.3.4. Tổng lượng bốc hơi Tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 31mm đến 63mm. Tổng lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 2 đến 6mm.

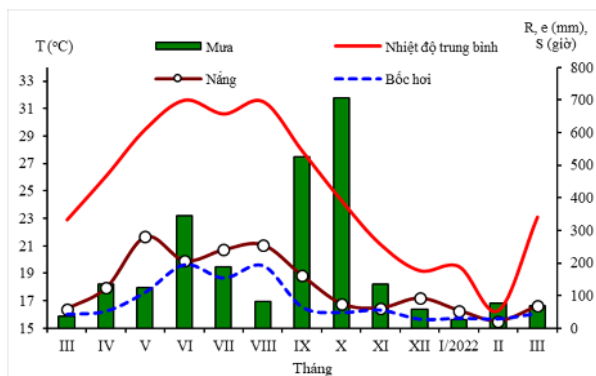
Trong Tháng III/2022 ở Khu vực Bắc Trung Bộ đều thiếu ẩm cho tới thiếu ẩm nghiêm trọng để sản xuất nông nghiệp, một số khu vực trạm Hồi Xuân, Con Cuông, Đô Lương, Vinh đủ ẩm, khu vực Huế thừa ẩm để sản xuất nông nghiệp. Chỉ số k dao động từ (0,3 - 2,3) (Hình 13).

1.3.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Mưa phùn xuất hiện tại một số khu vực từ 1 – 5 ngày, cao nhất là tại Đồng Hới (10 ngày)

- Đông xuất hiện tại một số khu vực từ 1-12 ngày

- Gió Tây khô nóng xuất hiện từ 1-3 ngày trong đó 1 ngày xuất hiện với cường độ mạnh



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại trạm Vinh

Bảng 3. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Hồi Xuân	22.9	2.5	2.2	112	64	83.3	61	-12	-13	85	1	0
Yên Định	22.8	2.5	2.6	27	10	-2.9	65	27	9	87	-1	-2
Thanh Hoá	22.5	2.3	2.7	21	-21	-19.8	71	28	17	89	1	-1
Như Xuân	22.5	2.5	2.5	34	17	-7.3	52	9	-1	91	1	1
Tĩnh Gia	22.5	2.3	2.9	44	22	-5.6	88	35	33	90	0	-3
Quỳ Châu	22.9	2.5	2	25	18	1.2	65	17	-9	88	1	1
Quỳ Hợp	23	2.6	2.4	45	32	18.6	57	12	-16	87	0	0
Tây Hiếu	23	3.1	2.7	37	24	7.6	56	19	-11	87	2	-1
Con Cuông	23.5	2.8	2.6	90	59	46.4	65	7	-24	88	2	-1
Quỳnh Lưu	23	2.8	2.9	36	21	8.8	107	36	36	89	-1	-1
Đô Lương	23.1	2.6	2.5	89	32	51.1	166	115	96	86	-1	-4
Vinh	23.1	2.9	2.8	69	33	22.4	68	9	4	88	-1	-3
Hà Tĩnh	23.2	2.8	2.5	91	50	35	82	16	12	88	-2	-4
Hương Khê	23.5	3.1	3.5	105	65	47.5	56	1	-24	88	-1	-2
Kỳ Anh	23.5	3.4	2.8	60	-3	-12.1	99	10	14	90	0	-1
Đồng Hới	24	3.2	2.3	59	3	15.2	184	82	86	90	0	0
Ba Đồn	23.6	2.9	2	52	36	13.5	95	-3	-10	89	-1	0
Đông Hà	24.1	2.5	1.6	117	83	92.5	129	0	2	87	-2	0
Khe Sanh	22.4	4.6	0.6	60	55	34.7	151	-34	-29	89	2	4
Huế	24.4	3.3	1.3	128	16	80.9	138	-38	24	88	-1	2
Nam Đông	24.4	2.9	0.7	259	164	216.7	155	-33	-26	85	2	2

1.4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

1.4.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình Tháng III/2022 dao động từ 24,9 đến 27,7°C, phổ biến ở mức cao hơn TBNN từ 0,7°C đến 1,5°C và cao hơn Tháng III/2021 từ 2,4 đến 3,5°C. (Hình 8, bảng 4).

Nhiệt độ cao nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 29,2 đến 32,4°C, giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối là 36,5°C xảy ra vào ngày 27/III/2022 tại Ba Tư.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 22,1 đến 25,3°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 17,6°C xảy ra vào ngày 10/III/2022 tại Hoài Nhơn.

1.4.2. Diễn biến về lượng mưa

Tổng lượng mưa trong Tháng III/2022 dao động từ 49mm đến 246mm một số khu vực có lượng mưa <10mm như Đà Nẵng, Cam Ranh, Phan Thiết, Phan Rang; phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 26,6mm đến 209mm (Hình 4), (Hình 9), và cao hơn Tháng III/2021 từ 34mm đến 198mm (bảng 4).

Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 29 đến 218mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 2 đến 12 ngày; số ngày mưa liên tục từ 1 đến 7 ngày; số ngày không mưa liên tục từ 8 đến 23 ngày.

1.4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 123 đến 263 giờ, ở mức thấp hơn Tháng III/2021 từ 18 đến 102 giờ; ở mức thấp hơn TBNN từ 8 đến 78 giờ. (Hình 10) và (Bảng 4).

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 74% đến 88%, ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ 1 - 4% ngoại trừ khu vực Tam Kỳ và Phan Thiết cao hơn TBNN từ 4-6% và cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 0-4%. Giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra ngày 17/III/2022 tại Hoài Nhơn.

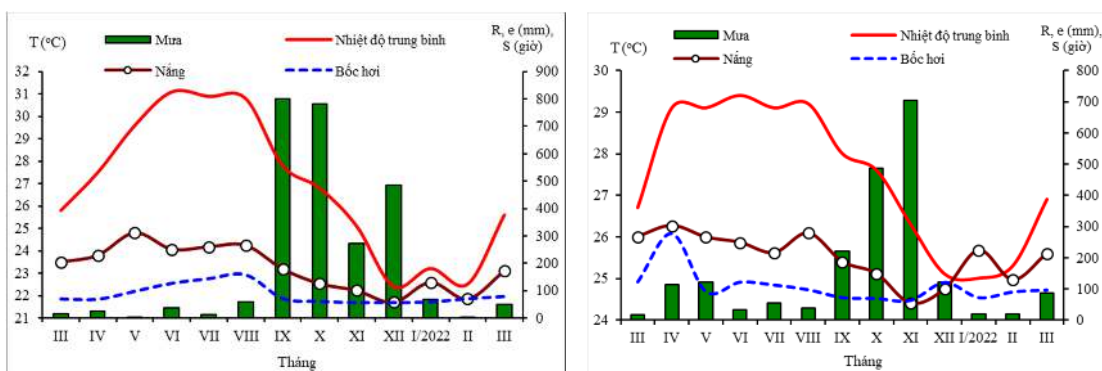
1.4.4. Tổng lượng bốc hơi Tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 48mm đến 135mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất dao động từ 2 đến 7mm.

Trong Tháng III/2022, hầu hết các trạm khu vực Nam Trung Bộ đều đủ ẩm đến thừa ẩm cho sản xuất nông nghiệp, ngoại trừ khu vực Nha Trang, Phan Thiết thiếu ẩm đủ ẩm (Hình 13). Chỉ số ẩm dao động từ 0,5 - 2,1.

1.4.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện tại một số khu vực từ 1-7 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện từ 1-5 ngày với cường độ nhẹ



a) Tại trạm Đà Nẵng

b) Tại trạm Nha Trang

Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại một số khu vực vùng duyên hải Nam Trung Bộ

Bảng 4. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng duyên hải Nam Trung Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Đà Nẵng	25.6	3.3	1.5	49	34	26.6	173	-32	69	82	1	-2
Tam Kỳ	25.8	3.3	0.7	228	98	111	209	-47	-74	83	1	5
Trà My	24.9	3.5	1.1	246	195	209	123	-102	-78	88	4	6
Quảng Ngãi	25.8	3.1	1.4	228	192	190.5	209	-43	-8	83	0	-3
Quy Nhơn	26.7	2.9	1.4	219	198	195	241	-18	-28	81	2	-2
Tuy Hoà	26.4	2.4	1	139	122	117.9	240	-43	-13	80	0	-4
Nha Trang	26.9	2.6	1.1	87	69	54.6	214	-54	-50	79	2	-1
Phan Thiết	27.1	2.7	1	73	61	56.3	240	-56	-47	76	1	4

1.5. Vùng Tây Nguyên

1.5.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ trung bình Tháng III/2022 dao động từ 19,2 đến 26,9°C, ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 1,5 đến 3,4°C. Ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 0 đến 1,3°C (Hình 8).

Nhiệt độ cao nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 25,5 đến 33,6°C; giá trị cao nhất tuyệt đối là 37,7°C xảy ra vào ngày 27/III/2022 tại CheoReo.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 15,1 đến 22,9°C, giá trị thấp nhất tuyệt đối là 12,3°C xảy ra vào ngày 11/III/2022 tại Đà Lạt.

1.5.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 dao động từ 26 - 211mm, một số khu vực có lượng mưa nhỏ hơn 10mm như Kon Tum, Liên Khương. ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 17,8 mm đến 124,1 mm; ở mức cao hơn hơn Tháng III/2021 từ 38mm đến 81mm (Hình 9, bảng 5).

Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 8 đến 128mm.

Số ngày mưa ở các nơi trong vùng dao động từ 5 đến 17 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 2 đến 6 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 4 đến 18 ngày.

1.5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng Tháng III/2022 phổ biến từ 56 giờ đến 252 giờ, ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 23 giờ đến 213 giờ; và thấp hơn cùng kỳ năm 2021 từ 43 giờ đến 196 giờ (Hình 10).

Độ ẩm không khí trung bình Tháng III/2022 phổ biến từ 68% – 85%, hầu hết các trạm ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 1 - 9%(Hình 11); và ở mức cao hơn Tháng III/2021 khoảng 4-7%. Độ ẩm không khí thấp nhất là 19% xảy ra vào ngày 10/III/2022 tại Kon Tum.

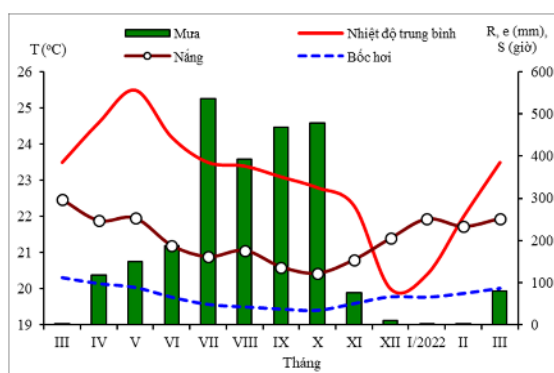
1.5.4. Tổng lượng bốc hơi Tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 58mm đến 151mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 đến 8mm.

Trong Tháng III/2022 ở hầu hết các khu vực đều thiếu ẩm để sản xuất nông nghiệp, ngoại trừ khu vực trạm Đăk Nông, Bảo Lộc đủ ẩm, Đà Lạt thừa ẩm (Hình 13). Chỉ số ẩm dao động từ 0,5 – 1,3.

1.5.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện tại một số khu vực từ 1-16 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện tại một số khu vực từ 1-10 ngày với cường độ nhẹ.



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại trạm Plây Cu

Bảng 5. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Tây Nguyên

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Kon Tum	25.6	2.9	1	106	58	70.7	249	-49	-23	68	5	1
Plây Cu	23.5	3.4	0.8	80	79	52.5	252	-45	-23	76	4	9
Buôn Mê Thuột	24.6	2.6	-0.1	40	38	17.8	245	-46	-29	78	6	7
Đăk Nông	23.9	1.7	0.9	118	68	50.9	212	-48	-67	80	7	6
Đà Lạt	19.2	2.6	0.9	154	81	103.5	56	-196	-213	84	6	7

Bảo Lộc	23.1	1.5	1.3	211	-42	124.1	205	-43	-36	82	4	4
---------	------	-----	-----	-----	-----	-------	-----	-----	-----	----	---	---

1.6. Vùng Đông Nam Bộ

1.6.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình Tháng III/2022 phổ biến từ 26,8 đến 29,2°C, ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 1,5 đến 2,5°C (Hình 6, bảng 6) và cao hơn TBNN từ 0,3 đến 1,3°C (Hình 8).

Nhiệt độ cao nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 30,3°C đến 35,1°C, giá trị cao nhất tuyệt đối là 37°C xảy ra vào ngày 28/III/2022 tại Tân Sơn Nhất.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 22,9 đến 26,4°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 20,4°C xảy ra vào ngày 8/III/2022 tại Tri An.

1.6.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 dao động từ 29 - 123mm. ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 24,4mm đến 59,5mm. Ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 29-84mm (bảng 6)

Lượng mưa ngày lớn nhất dao động từ 28 đến 71mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 2 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 7 đến 18 ngày. Số ngày mưa liên tục từ 1 đến 8 ngày.

1.6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng Tháng III/2022 phổ biến từ 180 giờ đến 264 giờ; ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 29 giờ đến 72 giờ và thấp hơn Tháng III/2021 từ 34 giờ đến 60 giờ (Hình 10).

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 70% đến 80%, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 1% đến 7% và cao hơn Tháng III/2021 khoảng 4% (Hình 11). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 03/III/2022 tại Đồng Phú.

1.6.4. Tổng lượng bốc hơi Tháng và chỉ số ẩm

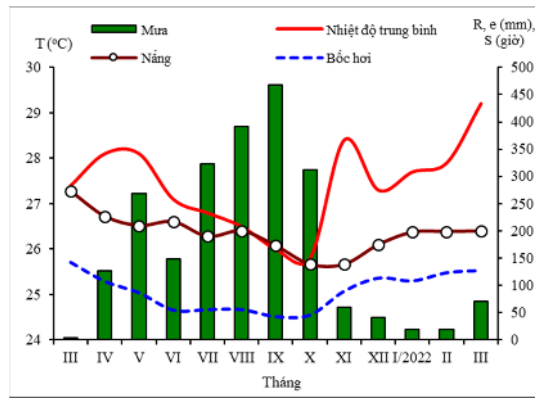
Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 86 đến 135mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 5 mm.

Hầu hết các khu vực đều thiếu ẩm cho đến thiếu ẩm nghiêm trọng để sản xuất nông nghiệp. chỉ số ẩm dao động từ 0,2 - 0,5 (Hình 13).

1.6.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt.

- Gió Tây khô nóng xuất hiện với cường độ nhẹ từ 1-7 ngày với cường độ nhẹ, cao nhất là tại Biên Hòa (20 ngày), Đồng Phú (17 ngày).

- Đông xuất hiện từ 1-16 ngày.



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại trạm Tân Sơn Nhất

Bảng 6. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Đông Nam Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Tây Ninh	28.5	1.5	0.3	83.5	84	57.1	225	-60	-55	76	4	7
Tân Sơn Nhất	29.2	2.5	1.3	70	70	59.5	200	-34	-72	71	4	1
Vũng Tàu	28.1	2.5	0.3	29	29	24.4	264	-36	-29	80	4	6

1.7. Vùng Tây Nam Bộ

1.7.1. Diễn biến nhiệt độ

Nhiệt độ không khí trung bình Tháng III/2022 phổ biến từ 27,7°C đến 28,6°C, ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 1,4°C đến 2,6°C (Hình 7, bảng 7) và xấp xỉ hoặc cao hơn TBNN từ 0 đến 1,3°C (Hình 10).

Nhiệt độ cao nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 32,5 đến 34°C, giá trị cao nhất tuyệt đối là 35,8°C xảy ra vào ngày 25/III/2022 tại Châu Đốc.

Nhiệt độ thấp nhất trung bình Tháng III/2022 dao động từ 24,8 đến 26°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối là 22,2°C xảy ra vào ngày 31/III/2022 tại Cà Mau.

1.7.2. Diễn biến về mưa

Tổng lượng mưa Tháng III/2022 ở khu vực Tây Nam Bộ dao động từ 15 - 205mm, ở mức cao hơn giá trị TBNN từ 9,9mm đến 169mm (bảng 7), Phổ biến ở mức cao hơn Tháng III/2021 từ 15mm đến 204 mm.

Lượng mưa ngày lớn nhất dao động từ 8 đến 81mm.

Số ngày mưa trong tháng dao động từ 3 đến 15 ngày. Số ngày không mưa liên tục từ 8 đến 20 ngày, số ngày mưa liên tục từ 1-4 ngày.

1.7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí

Tổng số giờ nắng Tháng III/2022 phổ biến từ 180 giờ đến 277 giờ; ở mức thấp hơn giá trị TBNN từ 31 giờ đến 78giờ (Hình 10); và thấp hơn Tháng III/2021 từ 1 giờ đến 60 giờ.

Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến tủa 71% đến 84%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN 1% đến 9%, ngoại trừ khu vực Cà Mau thấp hơn 8%(Hình 11); và cao hơn Tháng III/2021 từ 1% - 6% ngoại trừ Cà Mau thấp hơn 3%. Độ ẩm thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 13/III/2022 tại Càng Long.

1.7.4. Tổng lượng bốc hơi Tháng và chỉ số ẩm

Tổng lượng bốc hơi tháng dao động từ 85 đến 119mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm.

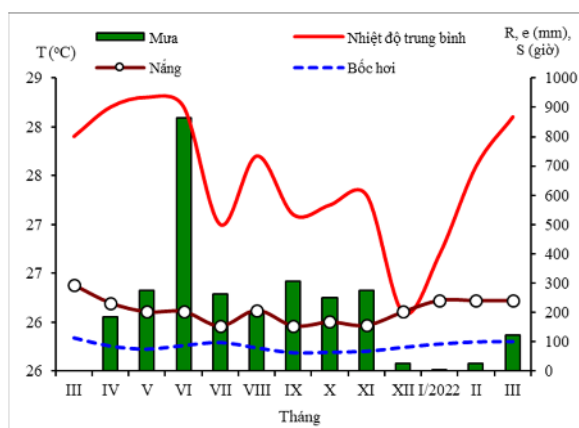
Trong Tháng III/2022 ở khu vực Tây Nam Bộ hầu như đều thiếu ẩm cho tới thiếu ẩm nghiêm trọng để sản xuất nông nghiệp ngoại trừ khu vực trạm Châu Đốc đủ ẩm, Rạch Giá thừa ẩm (Hình 13); chỉ số ẩm dao động từ 0,1 - 1,3.

1.7.5. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện tại một số khu vực từ 1-11 ngày.
- Gió tây khô nóng xuất hiện tại một số khu vực trạm Sóc Trăng, Cao Lãnh, Châu Đốc từ 1-3 ngày với cường độ nhẹ

Bảng 7. Đặc trưng một số yếu tố khí hậu nông nghiệp vùng Tây Nam Bộ

Tên trạm	Nhiệt độ trung bình (°C)			Lượng mưa (mm)			Số giờ nắng (giờ)			Độ ẩm (%)		
	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN	Tháng III/2022	So với III/2021	So với TBNN
Mộc Hoá	27.7	2	0	67	65	57.6	257	-39	-31	84	1	9
Mỹ Tho	28.3	2.6	0.7	52	52	48	237	-53	-70	77	1	2
Cao Lãnh	28.6	2.5	0.9	95	88	80	231	-47	-65	80	6	4
Càng Long	28	2.6	0.7	25	25	10.5	277	-1	-32	80	1	2
Châu Đốc	28.3	2.3	0.7	130	123	103	215	-60	-78	78	5	2
Cần Thơ	28.1	1.4	0.8	123	123	112.6	241	-53	-47	77	2	0
Sóc Trăng	28.2	2.6	1	23	23	9.9	227	-27	-45	80	5	5
Rạch Giá	28.2	2	0	205	204	169	209	-47	-32	78	3	2
Bạc Liêu	28.3	2.4	0.7	15	15	10.6	269	-38	-45	79	2	1
Cà Mau	28.1	1.8	1.3	105	105	70.7	180	-52	-72	71	-3	-8



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng nông nghiệp đặc trưng từ Tháng III/2021 đến Tháng III/2022 tại trạm Cần Thơ

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG VÀ THIÊN TAI ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG III/2022

2.1. Tình hình sản xuất nông nghiệp

a) Đối với cây lúa

Lúa đông xuân: Tính đến cuối tháng Ba, cả nước gieo trồng được 2.959,7 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 99,5% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc đạt 1.048,8 nghìn ha, bằng 99,1%; các địa phương phía Nam đạt 1.910,9 nghìn ha, bằng 99,6%, riêng vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.507 nghìn ha, bằng 99,2%. Đến nay, vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 785 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 52,1% diện tích gieo cấy và bằng 114,8% cùng kỳ năm trước với năng suất ước đạt 71,8 tạ/ha, giảm 0,5 tạ/ha so với vụ đông xuân năm trước; sản lượng ước tính đạt 10,8 triệu tấn, giảm 165,2 nghìn tấn.

Lúa mùa: Vùng đồng bằng sông Cửu Long đã hoàn tất công tác thu hoạch lúa vụ mùa 2021-2022. Diện tích gieo trồng lúa mùa của toàn vùng đạt 171,2 nghìn ha, bằng 113,6% vụ mùa năm trước; năng suất đạt khá ở mức 51,6 tạ/ha, tăng 7,4 tạ/ha so với năng suất vụ mùa năm trước; sản lượng đạt 881,1 nghìn tấn, tăng 215,8 nghìn tấn. Tính đến giữa tháng Ba, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 336,1 nghìn ha ngô, bằng 99,8% cùng kỳ năm trước; 52,7 nghìn ha khoai lang, bằng 91,6%; 11,0 nghìn ha đậu tương, bằng 88,3%; 109,2 nghìn ha lạc, bằng 96,6%; 583,7 nghìn ha rau đậu, bằng 101,9%.

b) Cây rau màu

Diện tích một số cây rau màu vụ đông xuân giảm so với cùng kỳ năm trước, tính đến cuối tháng 3 cả nước gieo trồng 336,1 nghìn ha ngô (giảm 0,2%), Lạc 109,2 nghìn ha (giảm 3,4%), đậu tương 11 nghìn ha (giảm 11,7%), khoai lang 52,7 nghìn ha (giảm 8,4%).

b) Cây công nghiệp lâu năm

Trong quý I năm 2022, một số cây công nghiệp lâu năm đã cho thu hoạch, trong đó: Sản lượng chè búp đạt 171,3 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; hồ tiêu đạt 166,1 nghìn tấn, tăng 3,8%; cao su đạt 127 nghìn tấn, tăng 2,4%; điều đạt 210,7 nghìn tấn, giảm 16,6%. Hầu hết sản lượng cây ăn quả tăng so với cùng kỳ năm trước: Chuối đạt 654,3 nghìn tấn, tăng 3,3%; cam đạt 263 nghìn tấn, tăng 2,1%; dứa đạt 211,2 nghìn tấn, tăng 3,4%; xoài

đạt 180,9 nghìn tấn, tăng 2,4%; bưởi đạt 158,2 nghìn tấn, tăng 3,2%; Riêng sản lượng thanh long đạt 349,7 nghìn tấn, giảm 3,2% do gặp khó khăn trong xuất khẩu.

Bảng 15. Hiện trạng trồng trọt của các vùng sinh thái nông nghiệp đến Tháng III/2022

(Nguồn: Cục Bảo vệ thực vật – Bộ NN&PTNT)

TT	Các vùng STNN	Loại cây trồng chính	Giai đoạn phát triển
1	Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa chiêm xuân	Hồi xanh - đẻ nhánh - đứng cái – phân hóa đòng
		Ngô	3-5 lá – xoáy nõn - trổ cờ
		Chè	chăm sóc - phát triển búp- thu hái
2	Đồng bằng Bắc bộ	Lúa	Đẻ nhánh rộ - cuối đẻ
		Ngô	Xoáy nõn - trổ cờ
		Cây ăn quả có múi	Phát triển lộc - hoa, đậu quả
3	Bắc Trung Bộ	Lúa xuân	Đòng - trổ
		Ngô vụ đông	Cây con - xoay nõn
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa đông xuân	Trà sớm: Chín- thu hoạch
			Trà chính vụ: Đòng trổ - chắc xanh
			Trà muộn: Đứng cái - đòng trổ
		Ngô	PTTL - trổ cờ, thâm râu – bắp non
		Thanh Long	Chăm sóc - thu hoạch
5	Tây Nguyên	Lúa đông xuân	Trà sớm: Chín- thu hoạch
			Trà chính vụ: Đòng trổ - chắc xanh
			Trà muộn: Đứng cái - đòng trổ
		Ngô	PTTL - trổ cờ, thâm râu – bắp non
		Cà phê	Chăm sóc - ra hoa – đậu quả
		Điêu	Thu hoạch
6	Đông Nam Bộ	Lúa đông xuân	Đòng – trổ, chín, thu hoạch
		Lúa hè thu	Mạ, đẻ nhánh
		Cao su	Chăm sóc, ra lá non, kiến thiết
		Điêu	Thu hoạch, Chăm sóc sau thu hoạch
7	Tây Nam Bộ	Lúa đông xuân	Đòng – trổ, chín, thu hoạch
		Lúa hè thu	Mạ, đẻ nhánh
		Sầu riêng	Chăm sóc, phát triển thân lá
		Xoài	Ra hoa, nuôi quả, thu hoạch

2.2. Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng và thiên tai

a. Thiên tai

Thiên tai trong tháng Ba chủ yếu là mưa lớn xảy ra ở một số tỉnh phía Bắc và miền Trung. Cụ thể:

Mưa lớn xảy ra tại Các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, Cao Bằng, từ đêm 22/3 đến sáng ngày 23/3, mưa lớn kèm giông lốc đã làm: 521,9 ha lúa bị ngập úng (Bắc Kạn: 501,9; Tuyên Quang: 20); 460,2 ha hoa màu bị ngập úng (Bắc Kạn: 452,2; Cao Bằng: 08); 6,4 ha thủy sản bị thiệt hại (Bắc Kạn);

Mưa lớn diện rộng trái mùa, sóng to, gió mạnh và lốc xoáy trong ngày 31/3 đã gây thiệt hại nặng tại nhiều địa phương ở Trung Bộ.

Tại Quảng Ngãi: Mưa trắng trời, nhiều tuyến phố ở trung tâm Tp.Quảng Ngãi ngập sâu trong nước gây ách tắc giao thông cục bộ. Mưa lớn cũng khiến đến 40% diện tích gieo cấy vụ lúa đông xuân toàn tỉnh bị ngập úng, ngã đổ.

Tại Bình Định: Nhiều diện tích lúa đến mùa thu hoạch của người dân ở huyện Phù Mỹ bị ngập nước, hư hỏng nặng.

Tại Phú Yên: Mưa to, gió giật mạnh và lốc xoáy nhiều nơi cũng đã làm 2.450 lồng nuôi với 790.000 tôm hùm bị sóng lớn đánh chìm, cuốn trôi ra biển; 12.434 hecta lúa đông xuân (chiếm 47% diện tích toàn tỉnh) đang trong giai đoạn trổ bông, chín và chuẩn bị thu hoạch bị ngập sâu trong nước và ngã đổ. 259 ha rau màu, đậu các loại bị ngã đổ.

Tại Khánh Hòa: Khu vực đèo Cả bị sạt lở làm đất đá đổ xuống chôn vùi, làm tuyến đường sắt bị ách tắc nhiều giờ đồng hồ. Huyện Vạn Ninh có 25 tàu cá của người dân bị sóng lớn đánh chìm, hư hỏng nặng. 350 ha lúa tại huyện Cam Lâm, Diên Khánh bị ngã đổ.

b. Điều kiện khí tượng nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp Tháng III/2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển. Khu vực phía bắc và miền trung chịu ảnh hưởng của một số trận mưa lớn gây ảnh hưởng tới một số diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc:

+ Lúa ĐX: Đang trong giai đoạn hồi xanh - đẻ nhánh - đứng cái – phân hóa đòng. Nhìn chung điều kiện thời tiết không gây bất lợi cho cây lúa phát triển.

+ Ngô: Cây ngô xuân đang trong giai đoạn 3-5 lá – xoáy nõn - trổ cờ. Điều kiện thời tiết cơ bản phù hợp với sinh trưởng của cây ngô.

+ Cây chè: Đang trong giai đoạn Chăm sóc - phát triển búp - thu hái. Điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây chè phát triển.

- Khu vực đồng bằng Bắc Bộ:

+ Lúa: Đang trong giai đoạn đẻ nhánh rộ - cuối đẻ, điều kiện nhiệt độ phù hợp cho cây lúa phát triển tuy nhiên lượng mưa hơi thấp.

+ Ngô: Đang giai đoạn Xoáy nõn - trổ cờ, điều kiện thời tiết thuận lợi cho giai đoạn phát triển này của cây ngô.

- Khu vực Bắc Trung Bộ:

Lúa xuân: Đang trong giai đoạn Đòng - trổ. Điều kiện không thuận lợi cho cây phát triển.

Ngô: đang ở giai đoạn Cây con - xoay nỡn, điều kiện thời tiết thuận lợi cho giai đoạn phát triển này của cây ngô.

- Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ:

+ Lúa ĐX 2021-2022: Trà sớm đang trong giai đoạn Chín- thu hoạch; trà chính vụ giai đoạn Đòng trổ - chắc xanh; trà muộn giai đoạn Đứng cái - đòng trổ. Nhìn chung điều kiện thời tiết thuận lợi cho lúa phát triển.

+ Ngô: đang trong giai đoạn PTTL - trổ cờ, thâm râu – bắp non. Điều kiện thời tiết thuận lợi cho các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây ngô.

+ Cây Thanh Long: đang trong giai đoạn chăm sóc, thu hoạch, nền nhiệt độ thuận lợi cho cây thanh long sinh trưởng và phát triển tốt trong các giai đoạn này.

- Khu vực Tây Nguyên:

+ Lúa ĐX 2021-2022: Trà sớm đang trong giai đoạn Chín- thu hoạch; trà chính vụ giai đoạn Đòng trổ - chắc xanh; trà muộn giai đoạn Đứng cái - đòng trổ. Nhìn chung điều kiện thời tiết thuận lợi cho lúa phát triển.

+ Ngô: vụ Đông Xuân 2021 – 2022 đang trong giai đoạn PTTL - trổ cờ, thâm râu – bắp non. Điều kiện thời tiết thích hợp cho cây ngô sinh trưởng và phát triển.

+ Cà phê: đang trong giai đoạn Chăm sóc - ra hoa – đậu quả, điều kiện thời tiết thuận lợi cho cà phê sinh trưởng và phát triển.

+ Điều: đang trong giai đoạn thu hoạch, điều kiện thời tiết thuận lợi cho các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây điều.

- Khu vực Đông nam Bộ:

+ Lúa: Lúa đông xuân 2021 – 2022 đang trong giai đoạn Đòng – trổ, chín, thu hoạch; Lúa hè thu đang trong giai đoạn Mạ, đẻ nhánh. Điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển.

+ Cây Điều: đang trong giai đoạn Thu hoạch, Chăm sóc sau thu hoạch, với nhiệt độ không khí và lượng mưa thuận lợi cho giai đoạn sinh trưởng.

+ Cao su: đang trong giai đoạn Chăm sóc, ra lá non, kiến thiết, nền nhiệt hơi cao cho sự phát triển của cây.

- Khu vực Tây Nam Bộ:

+ Lúa: Lúa đông xuân 2021 – 2022 đang trong giai đoạn Đòng – trổ, chín, thu hoạch; Lúa hè thu đang trong giai đoạn Mạ, đẻ nhánh. Điều kiện thời tiết thuận lợi cho cây lúa sinh trưởng và phát triển.

+ Sầu riêng đang trong giai đoạn Chăm sóc, phát triển thân lá. Điều kiện khí tượng thuận lợi với sự phát triển của cây, tuy nhiên lượng mưa hơi thấp.

+ Xoài đang trong giai đoạn Ra hoa, nuôi quả, thu hoạch. Nhiệt độ phù hợp với sự phát triển của cây.

2.3. Tình hình sâu bệnh

- **Bệnh đạo ôn:**

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 10.338 ha, diện tích nhiễm nặng 846 ha, mất trắng 18 ha (tại Nghệ An, Thanh Hóa). Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Hải Phòng, Lai Châu, Phú Thọ, Yên Bái, Hòa Bình, Thái Bình, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Nam, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Tháp, Tiền Giang, Tây Ninh, Vĩnh Long, Long An, An Giang...

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 9.392 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Phú Yên, Bạc Liêu, Long An, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tây Ninh, Đồng Tháp, ...

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 4.685 ha; diện tích nhiễm nặng 1.872 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Sơn La, Tuyên Quang, Lai Châu, Quảng Ninh, Bình Định, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Thuận, Quảng Nam, Đắk Lắk, Gia Lai, An Giang, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa-Vũng Tàu...

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 2.102. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Quảng Nam, Bình Thuận; Tây Nguyên, Tây Ninh, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Tiền Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Vĩnh Long,...

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.783 ha, diện tích nhiễm nặng 25 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Tây Nguyên, Gia Lai, Đắk Lắk, Long An, Bà Rịa -Vũng Tàu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp,...

- **Sâu năn (Muỗi hành):** Diện tích nhiễm 39 ha, tỷ lệ hại phổ biến 10-20%. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam: An Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ,...

- **Bệnh đẹn lép hạt:** Diện tích nhiễm 12.826 ha, diện tích nhiễm nặng 21 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, Quảng Nam, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Long An, ...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 4.504 ha (giảm 3258 ha so với kỳ trước, giảm 3.795 ha so với CKNT), nhiễm nặng 01 ha; diện tích phòng trừ trong kỳ 1.414 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Nghệ An, Quảng Trị, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang, Bà Rịa -Vũng Tàu, Long An, ...

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 3.188 ha, hại nặng 112 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Ninh, Ninh Bình, Yên Bái, Hà Nội, Điện Biên, Hưng Yên, Thái Bình, Lào Cai, Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Lai Châu, Cao Bằng, Hậu Giang, TP. HCM, Đồng Nai,...

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.838 ha, diện tích hại nặng 306 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Bắc Ninh, Phú Thọ, Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương, Yên Bái, Tuyên Quang, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Khánh Hòa, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Tây Nguyên, Bạc Liêu, Hậu Giang, Long An, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, ...

III. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

3.1. TÓM TẮT NHẬN ĐỊNH KHÍ HẬU 3 THÁNG IV-VI NĂM 2022

- Hoạt động của ENSO

Hiện tại, điều kiện khí quyển - đại dương phản ánh trạng thái La Nina ở cường độ trung bình (SSTA $\leq -1,00^{\circ}\text{C}$). Trạng thái này tiếp tục duy trì đến khoảng tháng 5, sau suy giảm dần cường độ. Điều kiện La Nina đạt đỉnh điểm trong những tháng chính đông có thể dẫn tới mùa bão hoạt động sớm trên tây bắc Thái Bình Dương, gia tăng lượng mưa và hạn chế bớt mức độ nắng nóng phần lãnh thổ Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

- Gió mùa

- Gió mùa mùa hè (GMMH) ở Tây Nguyên và Nam Bộ có khả năng bắt đầu sớm hơn TBNN khoảng 10- 15 ngày. Cường độ GMMH có khả năng xấp xỉ đến mạnh hơn TBNN. Mùa mưa ở Tây Nguyên, Nam Bộ có khả năng bắt đầu sớm hơn TBNN.

- Nhiệt độ:

Nhiệt độ trên hầu hết cả nước có xu hướng thấp hơn trong tháng IV, xấp xỉ trong tháng V và tháng VI so với giá trị TBNN cùng thời kỳ. Tính chung cả mùa tháng IV đến tháng VI, nhiệt độ trung bình cả nước thấp hơn so với giá trị TBNN.

- Lượng mưa:

TLM trên hầu hết cả nước có khả năng xấp xỉ trên giá trị TBNN cùng thời kỳ. Khu vực các tỉnh miền Trung như Trung và Nam Trung Bộ, TLM có thể cao hơn giá trị TBNN cùng thời kỳ. Các đợt mưa trái mùa đã và tiếp tục diễn ra ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

- Hiện tượng cực đoan:

- *Hoạt động xoáy thuận nhiệt đới:* Số XTNĐ hoạt động trên Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta trong năm 2022 từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Mùa bão bắt đầu sớm hơn TBNN. Trong mùa IV-VI có khả năng xuất hiện khoảng 3 XTNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó có khoảng 1-2 cơn ảnh hưởng đến nước ta.

- *Điều kiện khô hạn:* Tình trạng khô hạn trong mùa IV-VI/2022 ở khu vực Trung Bộ không nghiêm trọng.

- *Nắng nóng:* Số ngày nắng nóng có khả năng thấp hơn đến xấp xỉ TBNN. Các đợt nắng nóng ở Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng đến muộn hơn TBNN. Tình trạng nắng nóng trên phạm vi cả nước ít gay gắt trong năm 2022.

3.2. KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong Tháng III và trên cơ sở dự báo khí hậu 3 Tháng IV-VI/2022 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc

+ Lúa: cần chủ động tưới bổ sung cho cây lúa theo nhu cầu của từng giai đoạn (cụ thể: cây lúa trong thời kỳ đẻ nhánh - đứng cái cần duy trì mực nước trong ruộng khoảng 5cm, cây lúa trong giai đoạn đứng cái - trổ cần áp dụng biện pháp tưới “Ướt – khô xen kẽ”) để bảo đảm

cây lúa sinh trưởng khỏe mạnh, đẻ nhánh khỏe và tăng nhánh hữu hiệu; ngoài ra, cần chú ý làm cỏ, bón phân để giúp cây lúa sinh trưởng khỏe mạnh và tăng khả năng chống chịu với sâu bệnh và điều kiện ngoại cảnh bất lợi. Một số đối tượng sâu bệnh gây hại trên cây lúa như bệnh đạo ôn lá, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá...

+ Ngô: người dân cần lưu ý bón thúc để giúp cây ngô sinh trưởng khỏe mạnh. Sâu xám, sâu khoang, sâu cuốn lá... là một số đối tượng gây hại trên cây ngô cần chú ý.

+ Cây chè: Người dân vẫn cần tưới bổ sung cho cây chè để bảo đảm cây chè sinh trưởng tốt nhất, tạo điều kiện cho búp chè phát triển mạnh, tăng năng suất chè thu hoạch được. Đề phòng các đối tượng gây hại trên cây chè cần chú ý: bọ xít muỗi, nhện nâu đỏ, rầy xanh, bọ cánh tơ...

+ Cây có múi (Cam, quýt): Người dân cần chú ý chủ động nguồn nước để tưới bổ sung cho cây ăn quả có múi. Lưu ý các đối tượng sâu bệnh gây hại như: rệp sáp, nhện đỏ, bệnh vàng lá thối rễ...

2. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

+ Lúa: người dân cần chủ động cung cấp đủ nước cho ruộng lúa đồng thời cần lưu ý một số sâu bệnh chính như bệnh thối đen lép lửng, sâu phao; khi phát hiện diện tích nhiễm bệnh có thể sử dụng một số loại thuốc trừ sâu thích hợp.

+ Ngô: cần lưu ý một số sâu bệnh như: bệnh đốm lá lớn, sâu gai; khi phát hiện diện tích nhiễm bệnh có thể sử dụng một số loại thuốc trừ sâu bệnh phù hợp.

+ Đối với các cây rau màu: cần đảm bảo tưới bổ sung đủ nước cho rau màu đồng thời lưu ý một số sâu bệnh có khả năng phát sinh như: nhện đỏ, sâu đục quả; khi phát hiện diện tích nhiễm bệnh cần khẩn trương diệt trừ sâu bệnh, tránh lây lan sang diện tích khác.

3. Vùng Bắc Trung Bộ

- Lúa: người dân cần chủ động tưới đảm bảo nước trong ruộng đồng thời chú ý một số loại sâu bệnh như: bệnh vằn nâu hại lúa, rầy lưng trắng; khi phát hiện diện tích nhiễm bệnh có thể sử dụng một số loại thuốc trừ sâu theo tiêu chuẩn cho phép.

- Cây ngô: cần chú ý một số sâu bệnh như: bệnh bạc tạng, sâu cắn lá; khi phát hiện diện tích nhiễm bệnh cần có biện pháp trừ sâu bệnh hiệu quả

4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

- Lúa: Lưu ý: Đề phòng bệnh đạo ôn tiếp tục phát sinh gia tăng gây hại giai sâu đục thân 2 chấm, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt tiếp tục gây hại lúa Đông Xuân giai đoạn đòng trổ - chín, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng; Chuột tiếp tục gây hại trên các trà lúa, hại nặng cục bộ trên lúa Đông Xuân muộn

- Cây Ngô: Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như sâu xám, sâu ăn lá, chuột tiếp tục hại tại các vùng trồng ngô.

- Cây Thanh Long: bệnh đốm nâu tiếp tục phát sinh, gây hại mạnh do điều kiện thời tiết mưa nhiều và độ ẩm cao.

5. Vùng Tây Nguyên

+ Lúa: Đề phòng rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn tiếp tục gia tăng gây hại trên các giống nhiễm, trên lúa giai đoạn đòng trổ - chắc xanh, đở đuôi. Mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình, hại nặng cục bộ giống nhiễm.

+ Ngô: Lưu ý các biện pháp phòng chống sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại có dấu hiệu tăng so với kỳ trước và giảm so với CKNT.

+ Cà phê: Triển khai các biện pháp phòng trừ bệnh gỉ sắt có dấu hiệu tăng so với kỳ trước và giảm so với CKNT; bệnh khô cành có dấu hiệu tăng so với kỳ trước và giảm so với CKNT. Bệnh phân bố chủ yếu tại tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk.

6. Vùng Đông Nam Bộ.

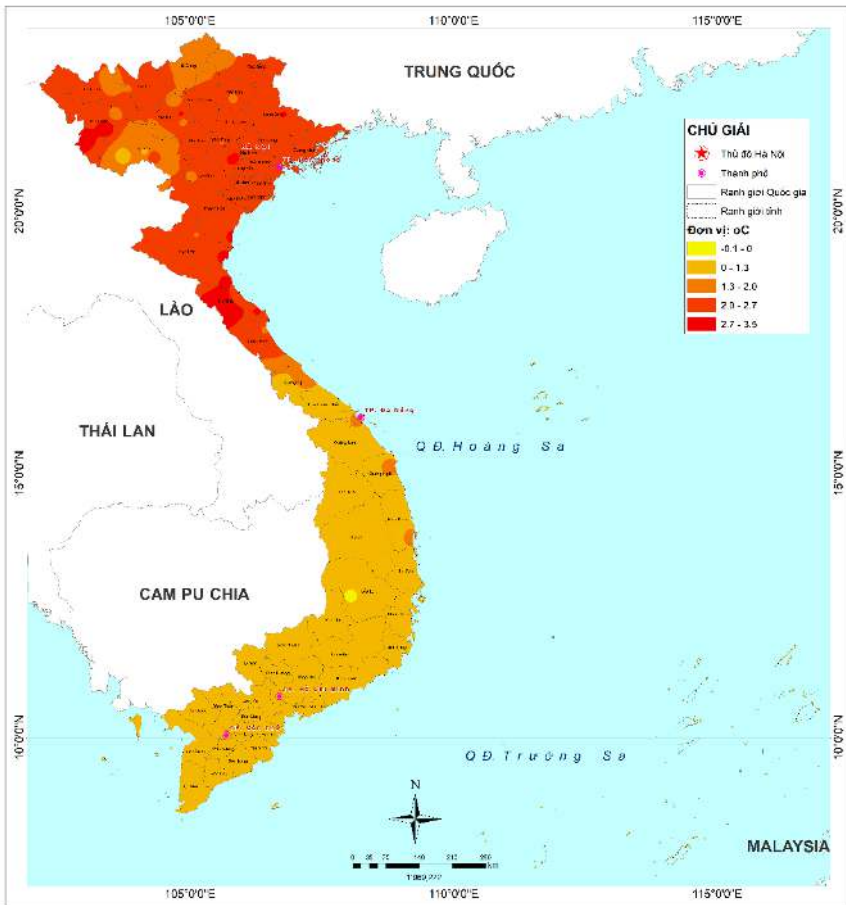
+ Lúa: Giai đoạn lúa làm đòng cần lưu ý một số đối tượng sâu bệnh gây hại chính là: bệnh đạo ôn lá, rầy hại lúa, sâu cuốn là nhỏ, sâu đục thân, giai đoạn lúa chín cần lưu ý đến chuột hại.

+ Cây Điều: Lượng mưa ít cần bổ sung nước cho cây phát triển ổn định. Cần lưu ý đề phòng bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành, sâu đục rộp lá,...tiếp tục gây hại tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương.

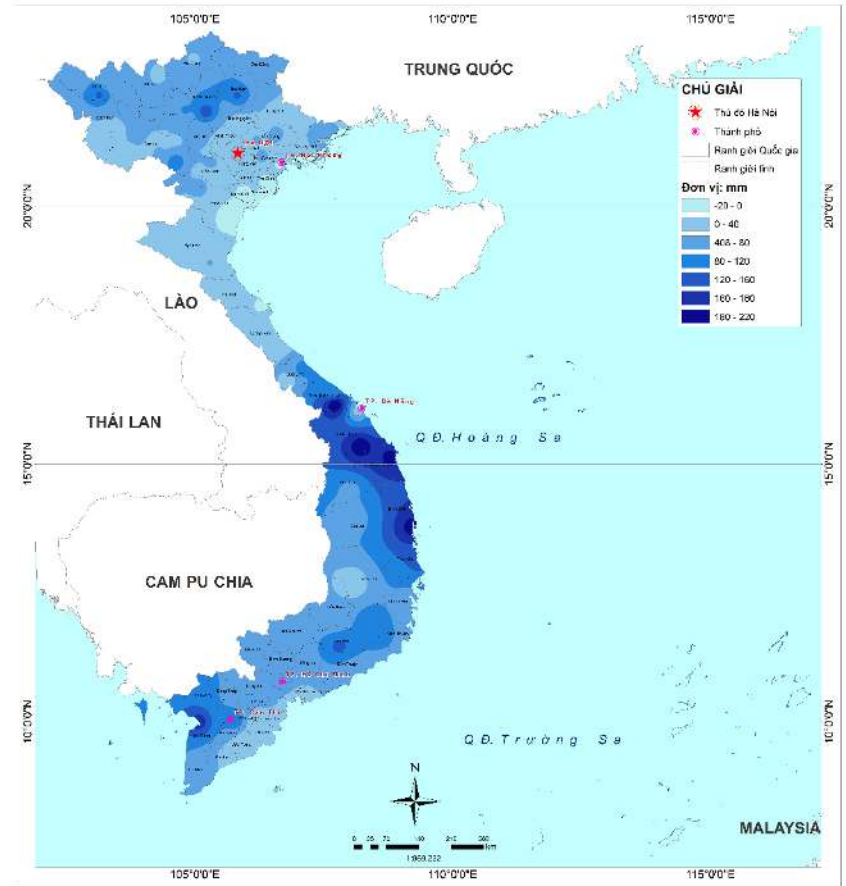
7. Vùng Tây Nam Bộ

+ Lúa: Trong giai đoạn đẻ nhánh cần lưu ý một số đối tượng sâu bệnh gây hại chính là: bệnh đạo ôn lá, rầy hại lúa, sâu cuốn là nhỏ.

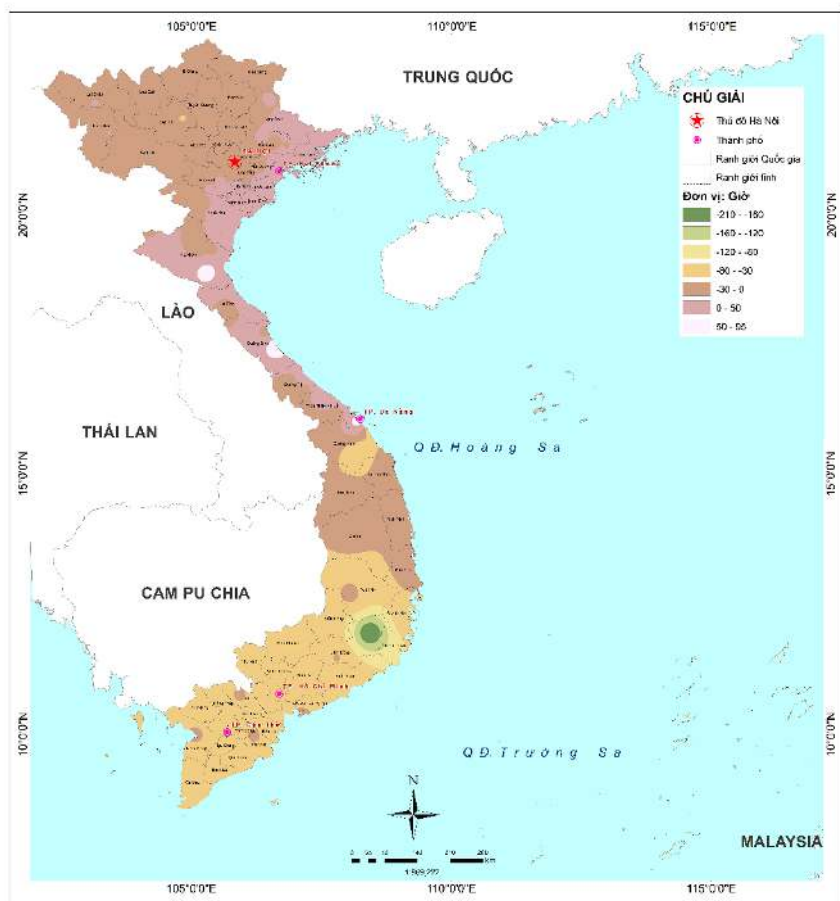
+ Sầu riêng: lượng mưa ít cần bổ sung nước cho cây phát triển ổn định. Lưu ý một số sâu bệnh hại thường xuất hiện trên cây sầu riêng: Rầy phấn; nhện đỏ, rầy lửa; sâu đục thân, đục cành; các bệnh do nấm *Phytophthora palmivora* gây nên; thối vỏ chầy nhựa tại các tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Bình Phước.



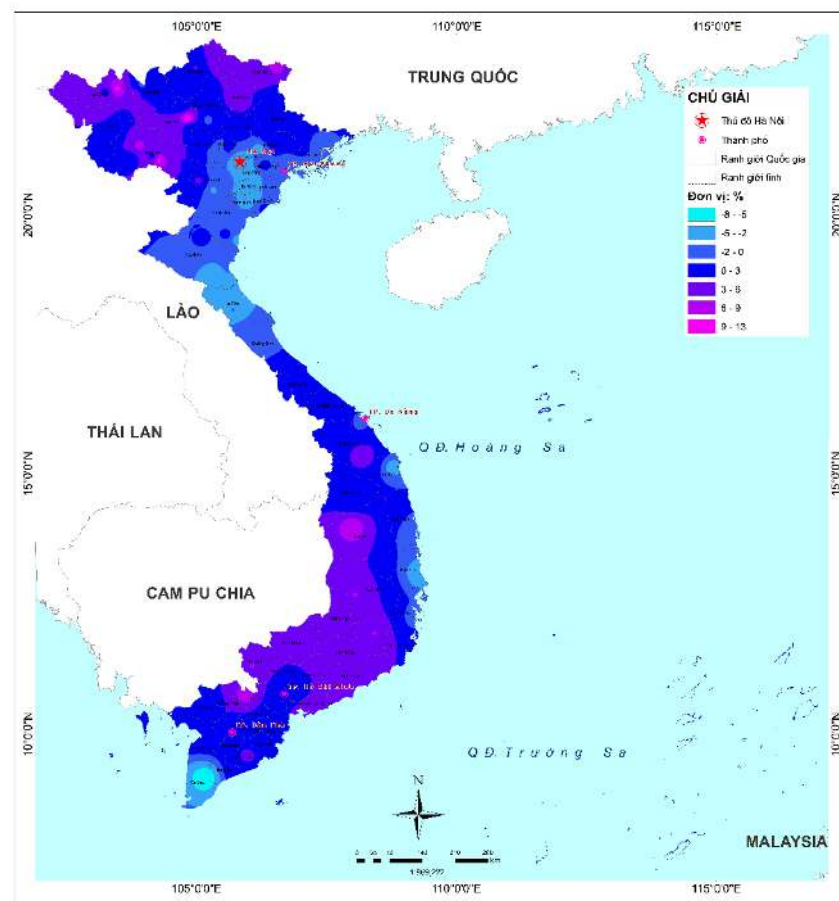
Hình 8. Độ lệch của nhiệt độ Tháng III/2022 so với TBNN (°C)



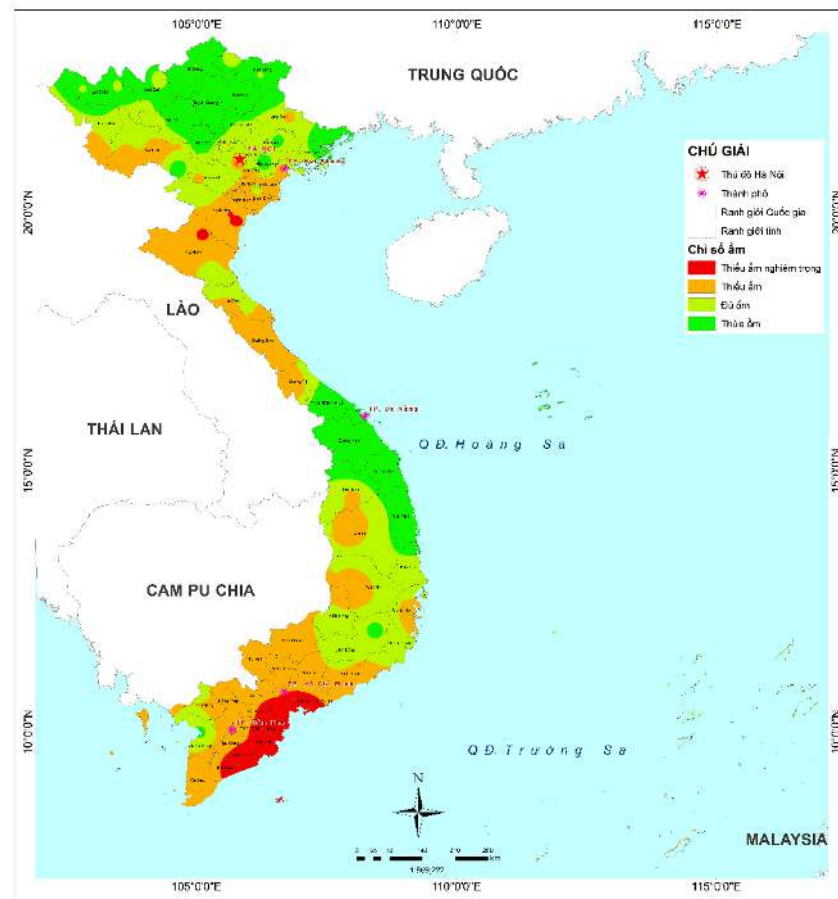
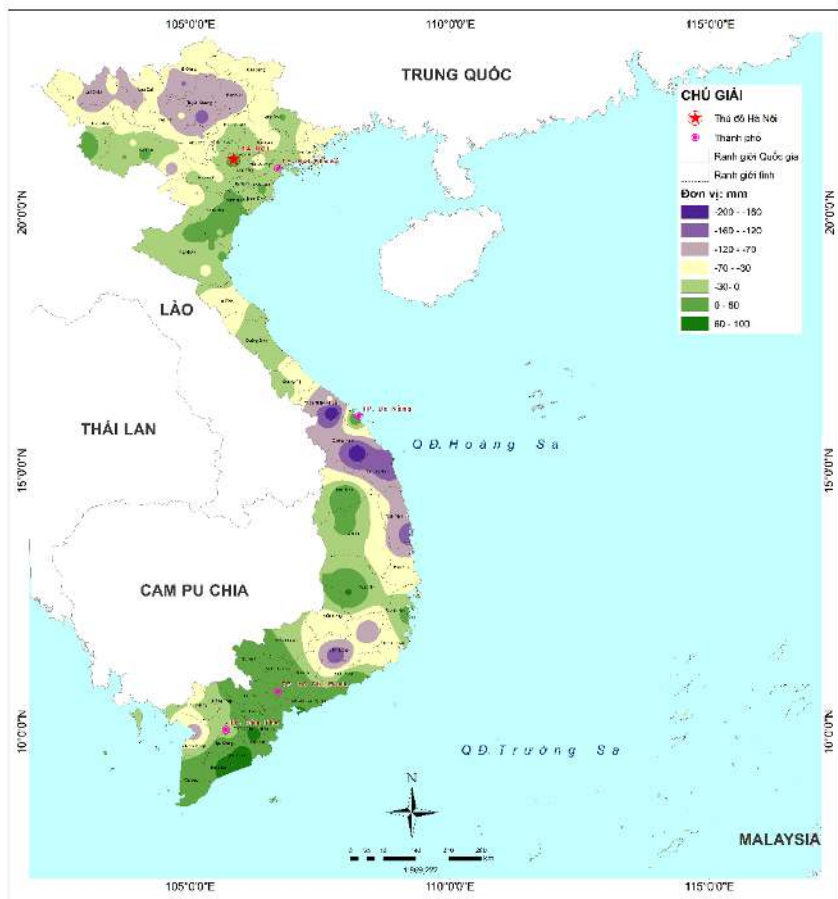
Hình 9. Độ lệch của lượng mưa Tháng III/2022 so với TBNN (mm)



Hình 10. Độ lệch của số giờ nắng Tháng III/2022 so với TBNN (giờ)



Hình 11. Độ lệch của độ ẩm không khí Tháng III/2022 so với TBNN (%)



Hình 12. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi Tháng III/2022 (mm)

Hình 13. Chỉ số ấm cả nước trong Tháng III/2022



ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP,
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: (84-4) 37733090-2; Fax: (84-4) 38355993

Email: khituongnongnghiep@imh.ac.vn son.nguyenhong@imh.ac.vn

Website: <http://imh.ac.vn/ngiep-vu/cat54/Thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep>